

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HS-ST
Ngày: 20-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2024/HSST-QĐ ngày 28/5/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 410/TB-TA ngày 12/6/2024 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Văn H**, sinh năm 1996 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện nay: tổ A, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn M và bà Đỗ Thị N; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2024 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

2. **Giáp Văn H1**, sinh năm 1995 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện nay: tổ A, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giáp Văn T và bà Hoàng Thị H2; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2024 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

3. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 2001 tại tỉnh Đắk Nông. Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Nơi ở hiện nay: tổ A, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị T3; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2024 sau đó chuyển sang tạm giam đến nay tại nhà Tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt

4. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Nơi ở hiện nay: tổ A, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ là Đỗ Thị T4 và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2024. Bị cáo có mặt

- *Bị hại*: Ông Trần Hoài N1, sinh năm 1996 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ, ngày 31/12/2023, do có mâu thuẫn từ việc mua bán bánh mì nên Đỗ Văn H rủ Nguyễn Văn D, Giáp Văn H1 và Nguyễn Văn T1 đến lò bánh mì của Trần Hoài N1 tại khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai để tìm Nguyễn Tú A và thanh niên (chưa rõ nhân thân) là nhân viên lò bánh mì do Trần Hoài N1 làm chủ để đánh Tú A và tất cả đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda loại Wave RSX, biển kiểm soát: 48K1-044.49, màu đỏ chở T1 ngồi sau, D và H1 thì mỗi người đi 01 xe đạp điện đến tiệm bánh mì của N1. Khi đến nơi, D đi vào nói chuyện với N1, còn H, H1 và T1 đứng bên ngoài. Lúc này, thấy N1 và D cự cãi nhau và H thấy Nguyễn Tú A đứng trong sân nên cùng H1, T1 xông vào để đánh Tú A. Cùng lúc này, N1 đi vào can ngăn thì bị H1 dùng tay ôm

vật ngã, sau đó H1 và H dùng tay và chân đánh vào mặt vào đầu và người của N1. Thấy N1 đã nằm bất động trên nền đất nên nhóm của H bỏ đi về. Nam được người nhà đưa đến Bệnh viện Đ để cấp cứu đồng thời trình báo sự việc đến Công an thị trấn H.

Đến ngày 03/01/2024, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên D, H, H1 và T1 cùng đến Công an thị trấn H để đầu thú. Công an thị trấn H lập hồ sơ ban đầu sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda hiệu Wave RSX, biển kiểm soát: 48K1-044.49, màu đỏ đen; 01 xe đạp điện (không có nhãn hiệu), màu đen; 01 xe đạp điện (không có nhãn hiệu), màu đỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ các tài sản trên là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn Q, anh Q không biết việc các bị can sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Q.

- 01 USB chứa hình ảnh nơi xảy ra vụ cố ý gây thương tích.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 025/KLTTCT-TTPYĐN ngày 11/01/2024 của Trung tâm P đối với Trần Hoài N1 như sau:

+ Các kết quả chính: gãy cung gò má phải không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ: 08%; Nứt sọ cánh lớn xương bướm, trán, đỉnh phải dài 10,5cm, điện não đồ không có tổn thương tương ứng. Tỷ lệ: 20%; Tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị hiện không còn hình ảnh tụ máu. Tỷ lệ 05%; Xuất huyết dưới nhện đã điều trị hiện không còn hình ảnh xuất huyết, không có di chứng thần kinh. Tỷ lệ: 08%

+ Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/TT-BYT ngày 28/9/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Hoài N1 tại thời điểm giám định là 37% (ba mươi bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Kết luận khác: không.

Căn cứ bản đánh chính bản kết luận giám định Pháp y của Trần Hoài N1 số 160/TTPY/2024 của Trung tâm pháp Y tỉnh P đánh chính nội dung như sau:

Sau khi áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần quy định tại Điều 4. Phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể thì tỷ lệ tổn thương cơ thể cho nạn nhân Trần Hoài N1 – sinh năm 1996 với tỷ lệ đúng là 36% (ba mươi sáu phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường chi phí khám chữa bệnh cho Trần Hoài N1 số tiền 40.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 111/CT.VKS-NT ngày 09/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H từ 20 đến 24 tháng tù. Đề nghị xử phạt bị cáo H1 từ 20 đến 24 tháng tù, xử phạt T1 và D từ 18 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đ.

Các bị cáo H, H1, T1 và D không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D tại phiên tòa: Các bị cáo đã biết lỗi và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của các bị cáo nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 18 giờ ngày 31/12/2023, tại tiệm bánh mì “N” thuộc khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Đỗ Văn H, Nguyễn Văn D, Giáp Văn H1 và Nguyễn Văn T1 dùng tay chân đánh Trần Hoài N1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận các bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm

2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo gây thương tích cho bị hại là do có mâu thuẫn trong việc kinh doanh buôn bán bánh mì.

Trong vụ án này, các bị cáo H, H1, T1 và D tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ. Cụ thể, bị cáo H là người giữ vai trò chính, là người đề xuất đi đến tiệm bánh mì của ông N1 để giải quyết mâu thuẫn, H dùng tay đánh và dùng chân đạp vào đầu của N1. Đối với H1 là người ôm vật N1 xuống và dùng tay đánh N1. Đối với T1 và D tham gia với vai trò giúp sức, không trực tiếp đánh bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên Tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và bồi thường thiệt hại cho bị hại. Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo H1, T1, D và cân nhắc với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo H là người chủ mưu, cũng là người trực tiếp đánh bị hại, dùng chân đạp vào đầu bị hại gây thương tích nên cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo số tiền 40.000.000đ và các bị cáo cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đ.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo H, H1, D và T1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt bị cáo Giáp Văn H1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho bị cáo Giáp Văn H1 và Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị giam giữ về tội phạm khác.

Giao bị cáo Giáp Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại TRần Hoài Nam số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo Đỗ Văn H, Giáp Văn H1, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm